

# THE CURRENT STATUS OF DENTAL CARIES PREVENTION KNOWLEDGE, PRACTICE AMONG STUDENTS AT TWO PRIMARY SCHOOLS IN DOAN HUNG DISTRICT, PHU THO PROVINCE

Dao Minh Nguyet<sup>1</sup>, Le Thi Thanh Hoa<sup>2\*</sup>, Truong Thi Thuy Duong<sup>2</sup>, Nguyen Hong Chuyen<sup>3</sup>

<sup>1</sup> Thai Nguyen National Hospital – 479 Luong Ngoc Quyen, Phan Dinh Phung, Thai Nguyen City, Thai Nguyen, Vietnam

<sup>2</sup> Thai Nguyen University of Medicine and Pharmacy – 284 Luong Ngoc Quyen, Quang Trung, Thai Nguyen City, Thai Nguyen, Vietnam

<sup>3</sup> Doan Hung District Medical Center, Phu Tho Province – Doan Hung Town, Doan Hung, Phu Tho, Vietnam

Received: 25/03/2024

Revised: 19/05/2024; Accepted: 31/05/2024

## ABSTRACT

**Objective:** This study aimed to describe the current status of dental caries prevention knowledge, practice among students at two primary schools in Doan Hung district, Phu Tho province in 2021.

**Subjects and methods:** A cross-sectional descriptive study conducted on 300 students of two primary schools in Doan Hung district, Phu Tho province during the period from June 2020 to June 2021. Data were collected through interviews with students in the presence of parents/primary caregivers.

**Results:** Students with good knowledge about dental caries prevention account for 17.7%. The percentage of students who do not brush their teeth every day accounts for 56%, regularly eating candy and sweet foods is 47.7%, and improper brushing techniques are 55.7%. The proportion of students with good practice is 13%.

**Conclusion:** The current status of dental caries prevention knowledge, practice among students at two primary schools in Doan Hung district, Phu Tho province showed that the rate of good knowledge and practice on dental caries was low. It is necessary to promote communication to improve knowledge about the harmful effects and causes of dental caries. In addition, it is necessary to instruct students on brushing techniques, time to brush teeth, and food choices to avoid affecting their teeth.

**Keywords:** Knowledge, practice, primary school students, dental caries.

---

\* Corresponding author  
E-mail: linhtrang249@gmail.com  
Phone number: (+84) 912 868 111  
<https://doi.org/10.52163/yhc.v65iCD5.1263>



## THỰC TRẠNG KIẾN THỨC, THỰC HÀNH DỰ PHÒNG BỆNH SÂU RĂNG Ở HỌC SINH HAI TRƯỜNG TIỂU HỌC HUYỆN ĐOAN HÙNG, TỈNH PHÚ THỌ

Đào Minh Nguyệt<sup>1</sup>, Lê Thị Thanh Hoa<sup>2\*</sup>, Trương Thị Thùy Dương<sup>2</sup>, Nguyễn Hồng Chuyên<sup>3</sup>

<sup>1</sup> Bệnh viện Trung ương Thái Nguyên – 479 Lương Ngọc Quyến, Phan Đình Phùng, Thành phố Thái Nguyên, Thái Nguyên, Việt Nam

<sup>2</sup> Trường Đại học Y - Dược Thái Nguyên – 284 Lương Ngọc Quyến, Quang Trung, Thành phố Thái Nguyên, Thái Nguyên, Việt Nam

<sup>3</sup> Trung tâm Y tế huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ – Thị trấn Đoan Hùng, Đoan Hùng, Phú Thọ, Việt Nam

Ngày nhận bài: 25/03/2024

Chỉnh sửa ngày: 19/05/2024; Ngày duyệt đăng: 31/05/2024

### TÓM TẮT

**Mục tiêu:** Mô tả thực trạng kiến thức, thực hành dự phòng bệnh sâu răng ở học sinh hai trường Tiểu học huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ năm 2021.

**Đối tượng và phương pháp nghiên cứu:** Nghiên cứu mô tả cắt ngang thực hiện trên 300 học sinh 2 trường tiểu học ở huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ trong thời gian từ 6/2020 đến tháng 6/2021. Số liệu được thu thập thông qua phỏng vấn học sinh với sự có mặt của cha mẹ/người chăm sóc chính.

**Kết quả nghiên cứu:** Học sinh có kiến thức tốt về dự phòng sâu răng chiếm 17,7%. Tỷ lệ học sinh không chải răng hàng ngày chiếm 56%, thường xuyên ăn kẹo, thức ăn ngọt 47,7%, kỹ thuật chải răng không đúng 55,7%. Tỷ lệ học sinh có thực hành tốt chiếm 13%.

**Kết luận:** Thực trạng kiến thức, thực hành dự phòng bệnh sâu răng ở học sinh 2 trường tiểu học tại huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ cho thấy tỷ lệ kiến thức, thực hành tốt về bệnh sâu răng còn thấp. Cần phải truyền thông tăng cường kiến thức về tác hại, nguyên nhân của bệnh sâu răng. Ngoài ra cần hướng dẫn cho học sinh kỹ thuật chải răng, thời điểm chải răng, lựa chọn thực phẩm tránh sự ảnh hưởng đến răng miệng.

*Từ khóa:* Kiến thức, thực hành, học sinh tiểu học, sâu răng.

---

\* Tác giả liên hệ  
E-mail: linhtrang249@gmail.com  
Điện thoại: (+84) 912 868 111  
<https://doi.org/10.52163/yhc.v65iCD5.1263>

## 1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Sâu răng là bệnh lý khá phổ biến ở đối tượng học sinh, gây hậu quả ở nhiều mức độ về sức khỏe răng miệng và sức khỏe chung, ảnh hưởng đến chất lượng cuộc sống, nếu không điều trị sẽ tiến triển dẫn đến nhiễm trùng, mất răng... Tuy nhiên, vấn đề chăm sóc sức khỏe răng miệng học đường ở Việt Nam chưa được đầu tư đúng mức khi cơ sở hạ tầng phục vụ cho chăm sóc sức khỏe răng miệng cho học sinh còn rất hạn chế, nhiều trường tiểu học chưa có phòng nha học đường và thực tế tỷ lệ mắc các bệnh răng miệng ở trẻ em vẫn còn cao [1]. Theo nghiên cứu của Nguyễn Thị Hồng Diễm (2016), tỷ lệ sâu răng ở học sinh tiểu học là 73,4% [2]. Nghiên cứu của Nguyễn Thị Hồng Minh (2020) cũng cho thấy tỷ lệ sâu răng sữa ở lứa tuổi từ 6 đến 8 tuổi lên tới 86,4% [3]. Một số nghiên cứu đã chứng minh kiến thức, thực hành của học sinh có liên quan đến bệnh sâu răng ở lứa tuổi này. Theo Yazeed Abdullah Alhabdan và cộng sự, việc chải răng không thường xuyên, thói quen chải răng muộn là yếu tố liên quan có ý nghĩa thống kê với sâu răng ở trẻ em [4]. Nghiên cứu của Márcia Maria và cộng sự cho thấy việc ăn ngọt làm tăng nguy cơ mắc sâu răng lên 1,53 lần [5]. Thực tế, trẻ em ở lứa tuổi tiểu học vừa có răng sữa vừa có răng vĩnh viễn nên việc chăm sóc, giữ gìn vệ sinh răng miệng là hết sức cần thiết vì trong giai đoạn này răng vĩnh viễn lần lượt mọc thay thế cho răng sữa. Đuan Hùng là một huyện miền núi của tỉnh Phú Thọ, dân cư phân bố rộng khắp, điều kiện kinh tế, xã hội phát triển kém hơn so với khu vực trung tâm, do đó công tác chăm sóc sức khỏe răng miệng cho học sinh còn nhiều hạn chế. Để có cơ sở khoa học cho các giải pháp can thiệp cải thiện sức khỏe răng miệng cho học sinh tại đây nói chung, bệnh sâu răng nói riêng, chúng tôi tiến hành nghiên cứu nhằm mục tiêu: *Mô tả thực trạng kiến thức, thực hành dự phòng bệnh sâu răng ở học sinh hai trường Tiểu học huyện Đuan Hùng, tỉnh Phú Thọ năm 2021.*

## 2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

### Đối tượng nghiên cứu:

- Tiêu chuẩn lựa chọn: Học sinh hai trường tiểu học Ngọc Quan và Bằng Luân, huyện Đuan Hùng, tỉnh Phú Thọ năm học 2020 - 2021 đồng ý tham gia nghiên cứu.
- Tiêu chuẩn loại trừ: Học sinh bị các dị tật bẩm sinh về răng miệng hoặc không có khả năng trả lời phỏng vấn.

### Địa điểm và thời gian nghiên cứu:

- Thời gian nghiên cứu: Từ tháng 6/2020 đến tháng 6/2021. Thời gian thu thập số liệu từ tháng 12/2020 đến tháng 3/2021.
- Địa điểm nghiên cứu: tại 02 trường tiểu học Ngọc

Quan và Bằng Luân, huyện Đuan Hùng, tỉnh Phú Thọ.

**Thiết kế nghiên cứu:** phương pháp mô tả, thiết kế cắt ngang.

**Cỡ mẫu và cách chọn mẫu:** Áp dụng công thức tính cỡ mẫu cho nghiên cứu mô tả:

$$n = Z_{1-\alpha/2}^2 \frac{p(1-p)}{d^2}$$

Trong đó:

n: số học sinh tiểu học cần điều tra.

$Z_{1-\alpha/2}$ : hệ số giới hạn tin cậy, chọn  $\alpha = 0,05$  tương ứng với  $Z_{1-\alpha/2} = 1,96$ .

p: lấy  $p = 0,985$  (Nghiên cứu của Trần Đình Tuyên và cộng sự (2016) cho thấy hành vi không tốt về vệ sinh răng miệng của học sinh chiếm là 98,5% [6]).

d: độ chính xác mong muốn, chọn  $d = 0,02$ .

Thay vào công thức ta tính được cỡ mẫu tối thiểu là 142 học sinh tiểu học tại mỗi trường điều tra; trên thực tế chúng tôi tiến hành nghiên cứu ở trường tiểu học Ngọc Quan là 145 học sinh và trường tiểu học Bằng Luân là 155 học sinh chọn ngẫu nhiên ở từng khối lớp 1, 2, 3, 4 và 5.

### Chỉ số nghiên cứu:

- Tỷ lệ kiến thức về tác hại của sâu răng.
- Tỷ lệ kiến thức về nguyên nhân của sâu răng.
- Tỷ lệ kiến thức tốt/chưa tốt bệnh sâu răng.
- Tỷ lệ thực hành dự phòng bệnh sâu răng.
- Tỷ lệ thực hành tốt/chưa tốt bệnh sâu răng.

### Thu thập số liệu:

- Tổ chức khám răng và phỏng vấn mặt đối mặt về kiến thức, thực hành dự phòng sâu răng cho trẻ. Quá trình khám và phỏng vấn kiến thức, thực hành cho trẻ có sự tham gia của cha mẹ/người nuôi dưỡng chính của trẻ.
- Cán bộ khám và phỏng vấn là bác sĩ có trình độ chuyên môn về Răng - Hàm - Mặt, có chứng chỉ hành nghề. Cán bộ nghiên cứu được tập huấn và thống nhất chung về các tiêu chí nghiên cứu trước khi tiến hành khám và phỏng vấn học sinh.

**Công cụ nghiên cứu:** Các thông tin phỏng vấn kiến thức, thực hành dự phòng sâu răng cho trẻ được ghi chép trên phiếu phỏng vấn được thiết kế sẵn.

### Các tiêu chí đánh giá:

- Kiến thức về tác hại của bệnh sâu răng: có kiến thức khi tự học sinh kể đúng từng tác hại.
- Kiến thức về nguyên nhân của bệnh sâu răng:



có kiến thức khi tự học sinh kể đúng từng nguyên nhân.

- Đánh giá kiến thức tốt/chưa tốt: Mỗi câu hỏi kiến thức của học sinh được xác định, chấm 1 điểm cho từng câu trả lời đúng sau đó tính tổng điểm và phân loại. Kiến thức “Tốt” khi trả lời đúng  $\geq 80\%$  các câu hỏi. Kiến thức “Chưa tốt” khi trả lời đúng  $< 80\%$  số câu hỏi.
- Thực hành: việc thực hiện hành vi được đánh giá theo các mức: thường xuyên và không thường xuyên. Trong đó thường xuyên là 5 - 7 ngày/tuần. Không thường xuyên là  $< 5$  ngày/tuần.
- Đánh giá thực hành tốt/chưa tốt: Mỗi câu hỏi thực hành của học sinh được xác định, chấm 1 điểm

cho từng câu trả lời đúng sau đó tính tổng điểm và phân loại. Thực hành “Tốt” khi trả lời đúng  $\geq 80\%$  các câu hỏi. Thực hành “Không tốt” khi trả lời đúng  $< 80\%$  số câu hỏi.

**Phân tích và xử lý số liệu:** Số liệu về khám răng và kết quả phỏng vấn của từng trẻ được mã hóa, nhập liệu và quản lý bằng phần mềm Epidata 3.1; Số liệu được xử lý và phân tích theo các thuật toán thống kê y sinh học bằng phần mềm SPSS 22.0.

**Đạo đức nghiên cứu:** Nghiên cứu đã được thông qua bởi Hội đồng đạo đức Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên, quyết định số 1672/DHYD-HĐĐĐ ngày 17 tháng 9 năm 2020.

### 3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

**Bảng 1. Kiến thức về tác hại của bệnh sâu răng của học sinh**

Kiến thức về tác hại của sâu răng		Ngọc Quan		Bằng Luân		Chung	
		SL	%	SL	%	SL	%
Biết sâu răng gây chảy máu lợi	Có	24	16,6	30	19,4	54	18,0
	Không	121	83,4	125	80,6	246	82,0
	p	$> 0,05$					
Biết sâu răng gây đau răng	Có	135	93,1	134	86,5	269	89,7
	Không	10	6,9	21	13,5	31	10,3
	p	$> 0,05$					
Biết sâu răng gây sút mẻ, gãy răng	Có	35	24,1	8	5,2	43	1
	Không	110	75,9	147	94,8	257	85,7
	p	$< 0,001$					

**Nhận xét:** Học sinh biết sâu răng gây đau răng chiếm tỉ lệ cao nhất 89,7%, biết sâu răng gây chảy máu lợi chiếm 18%, thấp nhất là biết sâu răng gây sút mẻ, gãy

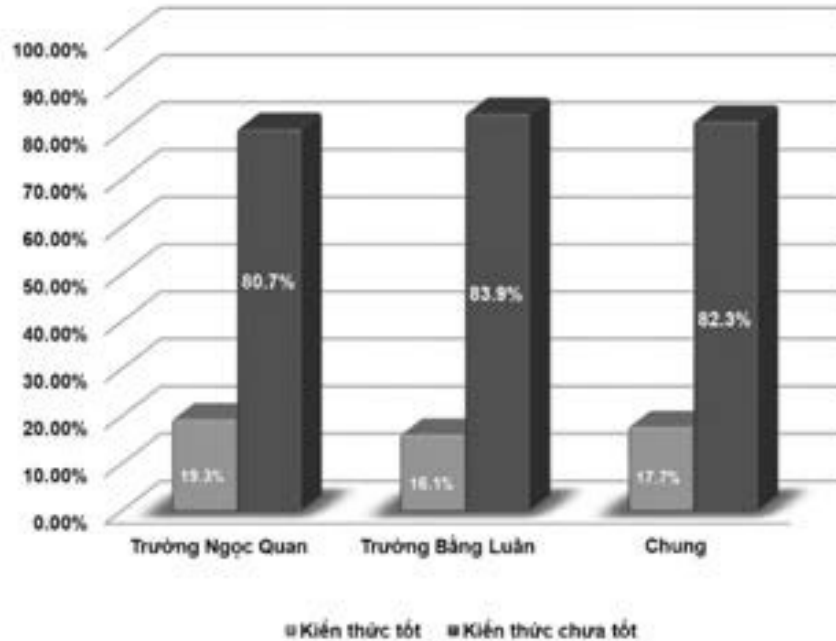
răng (14,3%). Có sự khác biệt về kiến thức làm sút mẻ, gãy răng khi bị sâu răng của học sinh giữa hai trường ( $p < 0,05$ ).

**Bảng 2. Kiến thức về nguyên nhân của bệnh sâu răng của học sinh**

Nguyên nhân sâu răng		Ngọc Quan		Bằng Luân		Chung	
		SL	%	SL	%	SL	%
Biết nguyên nhân do không chải răng sau ăn	Có	70	48,3	55	35,5	125	41,7
	Không	75	51,7	100	64,5	175	58,3
	p	$< 0,05$					
Biết nguyên nhân do ăn nhiều bánh kẹo	Có	126	86,9	127	81,9	253	84,3
	Không	19	13,1	28	18,1	47	15,7
	p	$> 0,05$					
Biết nguyên nhân do uống nước ngọt	Có	43	29,7	22	14,2	65	21,7
	Không	102	70,3	133	85,8	235	78,3
	p	$< 0,05$					

**Nhận xét:** Tỷ lệ học sinh biết các nguyên nhân của sâu răng do ăn nhiều bánh kẹo là 84,3%, do không chải răng sau ăn (41,7%), thấp nhất là nguyên nhân do uống nước ngọt (21,7%). Có sự khác biệt kiến thức về nguyên nhân do không chải răng sau ăn, uống nước ngọt của học sinh giữa hai trường ( $p < 0,05$ ).

**Biểu đồ 1. Đánh giá kiến thức chung về bệnh sâu răng ở học sinh**



**Nhận xét:** Kiến thức chung về bệnh sâu răng ở học sinh tiểu học đạt mức tốt là 17,7% còn lại 82,3% chưa tốt; trong đó tỷ lệ kiến thức tốt ở trường Ngọc Quan là 19,3% cao hơn so với trường Bằng Luân (16,1%) tuy nhiên sự khác biệt chưa có ý nghĩa thống kê với  $p > 0,05$ .

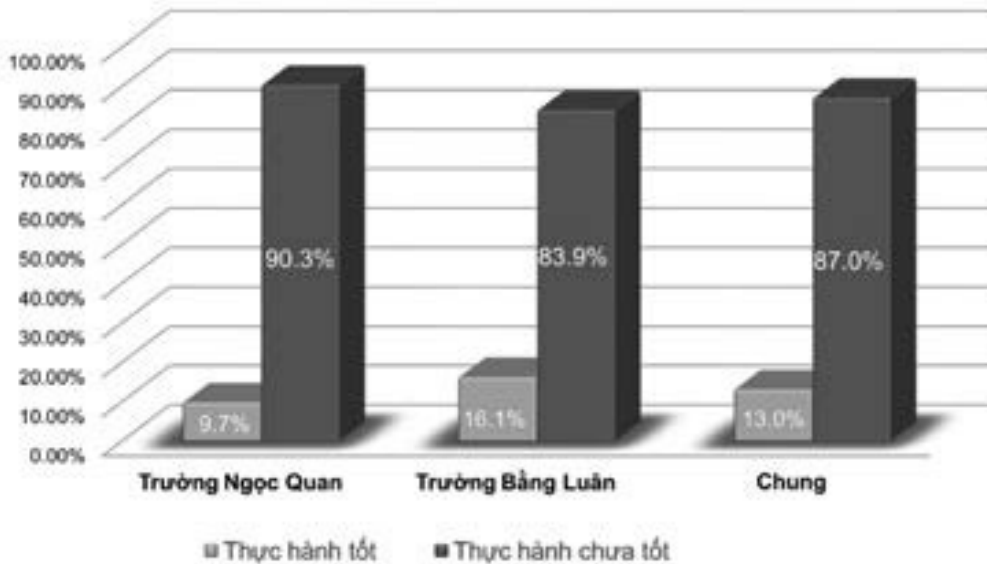
**Bảng 3. Thực hành dự phòng bệnh sâu răng của học sinh**

Thực hành dự phòng bệnh sâu răng		Ngọc Quan		Bằng Luân		Chung	
		SL	%	SL	%	SL	%
Chải răng hàng ngày	Có	79	54,5	53	34,2	132	44,0
	Không	66	45,5	102	65,8	168	56,0
	p	< 0,001					
Thời điểm chải răng	Đúng	111	76,6	110	71,0	221	73,7
	Không đúng	34	23,4	45	29,9	79	26,3
	p	> 0,05					
Kỹ thuật chải răng	Đúng	54	37,2	79	51,0	133	44,3
	Không đúng	91	62,8	76	49,0	167	55,7
	p	< 0,05					
Thời gian thay bàn chải	Dưới 3 tháng	75	51,7	71	45,8	146	48,7
	≥ 3 tháng	70	48,3	84	54,2	154	51,3
	p	> 0,05					
Ăn kẹo hay thức ăn ngọt	Thường xuyên	63	43,4	80	51,6	143	47,7
	Không thường xuyên	82	56,6	75	48,4	157	52,3
	p	> 0,05					
Cắn vào thức ăn, vật cứng	Thường xuyên	1	0,7	3	1,9	4	1,3
	Không thường xuyên	144	99,3	152	98,1	296	98,7
	p	> 0,05					

**Nhận xét:** Tỷ lệ học sinh không chải răng hàng ngày chiếm 56%, thường xuyên ăn kẹo, thức ăn ngọt 47,7%, kỹ thuật chải răng không đúng 55,7%. Tuy nhiên chỉ

có sự khác biệt về thực hành chải răng hàng ngày, kỹ thuật chải răng giữa học sinh hai trường ( $p < 0,05$ ).

**Biểu đồ 2. Đánh giá thực hành dự phòng bệnh sâu răng ở học sinh**



**Nhận xét:** Tỷ lệ thực hành phòng chống sâu răng ở học sinh tiểu học đạt mức tốt chỉ chiếm 13% còn lại 87% chưa tốt; trong đó tỷ lệ thực hành tốt ở trường Bằng Luân là 16,1% cao hơn so với trường Ngọc Quan (9,7%) tuy nhiên sự khác biệt chưa có ý nghĩa thống kê với  $p > 0,05$ .

#### 4. BÀN LUẬN

Kết quả nghiên cứu của chúng tôi cho thấy tỷ lệ học sinh biết tác hại của sâu răng là chưa cao trong khi có kiến thức về tác hại của sâu răng rất quan trọng, bởi khi học sinh nhận thức được tác hại của sâu răng mới hình thành ý thức phòng chống sâu răng tốt [7]. Điều này đặt ra vấn đề trang bị kiến thức cần thiết về sức khỏe răng miệng và giáo dục thường xuyên bằng những biện pháp truyền thông phù hợp, thiết thực để đem lại hiệu quả tốt trong thực hành chăm sóc răng miệng cho học sinh. Kết quả nghiên cứu của chúng tôi cho thấy tỷ lệ học sinh biết nguyên nhân của sâu răng do ăn nhiều bánh kẹo chiếm 84,3%, không chải răng sau ăn là 41,7% trong khi nghiên cứu của Nguyễn Anh Sơn cho thấy tỷ lệ học sinh biết về nguyên nhân gây sâu răng, viêm lợi do ăn nhiều chất đường, đồ ngọt là 54,0%, do vi khuẩn là 35,5%, do không chải răng là 55,3% [8]. Như vậy kết quả nghiên cứu của chúng tôi có phần khác biệt so với nghiên cứu của Nguyễn Anh Sơn. Tuy nhiên có thể sự khác biệt do đối tượng nghiên cứu của chúng tôi bao gồm các học sinh từ lớp 1 đến lớp 5, trong khi Nguyễn Anh Sơn chỉ nghiên cứu trên học sinh lớp 4. Tỷ lệ kiến thức chung về phòng chống sâu răng ở học sinh tiểu học đạt mức tốt trong nghiên

cứ của chúng tôi là 17,7%, đây là tỷ lệ tương đối thấp. Theo nghiên cứu của Hoàng Bảo Duy (2022) học sinh có kiến thức tốt về chăm sóc sức khỏe răng miệng bản thân chiếm 43,6% [9]. Như vậy kết quả nghiên cứu của chúng tôi thấp hơn. Điều này có thể được giải thích do đối tượng nghiên cứu của chúng tôi là học sinh tiểu học, trong khi Hoàng Bảo Duy nghiên cứu trên đối tượng học sinh trung học cơ sở dẫn đến kiến thức về bệnh sâu răng có sự khác biệt.

Kết quả nghiên cứu của chúng tôi cho thấy tỷ lệ học sinh không chải răng hàng ngày chiếm 56%, thường xuyên ăn kẹo, thức ăn ngọt 47,7%, kỹ thuật chải răng không đúng 55,7%, tỷ lệ thực hành chung về dự phòng sâu răng ở học sinh tiểu học đạt mức tốt là 13,0% còn lại 87,0% chưa tốt. Điều này đặt ra vấn đề cần phải có các giải pháp can thiệp để cải thiện sức khỏe răng miệng nói chung, bệnh sâu răng nói riêng cho học sinh tiểu học tại đây. Kết quả thực hành đúng trong nghiên cứu của chúng tôi thấp hơn Nguyễn Thị Hồng Minh và Vũ Thị Sao Chi. Nghiên cứu của Vũ Thị Sao Chi (2016) cho thấy tỷ lệ học sinh có thực hành tốt về phòng chống sâu răng, viêm lợi là 56,7% [10]. Tuy nhiên đối tượng nghiên cứu của Vũ Thị Sao Chi là học sinh trung học cơ sở, có thể đó cũng là lý do dẫn đến thực hành có sự khác biệt. Theo Nguyễn Thị Hồng Minh (2022), tỷ lệ học sinh tiểu học có thực hành dự phòng sâu răng đúng chiếm 57,2% cao hơn nhiều so với nghiên cứu của chúng tôi [11]. Điều này có thể do địa điểm nghiên cứu của Nguyễn Thị Hồng Minh tại trung tâm thành phố Hải Phòng, một địa phương phát triển về kinh tế, xã hội khác biệt so với huyện Đoàn Hùng, tỉnh Phú Thọ. Do đó



cần phải có các nghiên cứu tập trung phân tích mối liên quan giữa các khu vực thành thị và nông thôn với bệnh sâu răng ở học sinh.

## 5. KẾT LUẬN

Thực trạng kiến thức, thực hành dự phòng bệnh sâu răng ở học sinh 2 trường tiểu học tại huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ cho thấy tỉ lệ kiến thức, thực hành tốt về bệnh sâu răng còn thấp. Học sinh có kiến thức tốt về dự phòng sâu răng chiếm 17,7%. Tỉ lệ học sinh không chải răng hàng ngày chiếm 56%, thường xuyên ăn kẹo, thức ăn ngọt 47,7%, kỹ thuật chải răng không đúng 55,7%. Tỉ lệ học sinh có thực hành tốt chiếm 13%. Cần phải truyền thông tăng cường kiến thức về tác hại, nguyên nhân của bệnh sâu răng. Ngoài ra cần hướng dẫn cho học sinh kỹ thuật chải răng, thời điểm chải răng, lựa chọn thực phẩm tránh sự ảnh hưởng đến răng miệng.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Ngô Văn Mạnh, Lê Đức Cường, Kiến thức và thực hành về phòng chống bệnh răng miệng của học sinh hai trường tiểu học thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên năm 2018. Tạp chí Y học Việt Nam, tập 507, 2021, số 2: 114 - 118.
- [2] Nguyễn Thị Hồng Diễm, Nghiên cứu thực trạng ba bệnh lứa tuổi học đường phổ biến ở học sinh tiểu học và đề xuất giải pháp. Luận án Tiến sĩ Y học, Trường Đại học Y Hà Nội, 2016.
- [3] Nguyễn Thị Hồng Minh, Trịnh Đình Hải, Tình trạng sâu răng sữa ở Trẻ em Việt Nam năm 2019. Tạp chí Y học dự phòng, 2020, 30 (1): 123.
- [4] Alhabdan YA, Albeshr AG, Yenugadhati N et al., Prevalence of dental caries and associated factors among primary school children: A population-based cross-sectional study in Riyadh, Saudi Arabia. Environ Health Prev Med, 2018, 23(1): 60.
- [5] Márcia Maria Dantas Cabral de Melo, Wayner Vieira de Souza, Paulo Sávio Angeiras de Goes, Increase in dental caries and change in the socioeconomic profile of families in a child cohort of the primary health care in Northeast Brazil. BMC oral health, 2019, 19 (1): 183.
- [6] Trần Đình Tuyên, Nguyễn Quốc Trung, Nguyễn Thu Yến, Thực trạng và mối liên quan của bệnh sâu răng với kiến thức, thái độ, hành vi chăm sóc răng miệng ở học sinh 12 tuổi tại huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên, 2014 - 2015. Tạp chí Y học dự phòng, 2016, Tập 26, Số 133 (186): 218 - 221.
- [7] Hoàng Hồng Xiêm, Trần Thị Mỹ Hạnh, Nguyễn Thị Châu và cộng sự, Kết quả của can thiệp truyền thông bằng hình ảnh lên kiến thức, thái độ, thực hành vệ sinh răng miệng của học sinh lớp 6 trường THCS Cổ Bi, Gia Lâm, Hà Nội năm 2020. Tạp chí Y học Việt Nam, Tập 506, 2021, Số 2: 215 - 218.
- [8] Nguyễn Anh Sơn, Nguyễn Trần Hiên, Trịnh Đình Hải và cộng sự, Thực trạng bệnh sâu răng, viêm lợi và một số yếu tố liên quan ở học sinh tại 4 trường trung học cơ sở tại huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc năm 2014. Tạp chí Y học dự phòng, Tập 27, 2017, Số 9: 114 - 122.
- [9] Hoàng Bảo Duy, Ong Thế Duệ, Nguyễn Thị Phương Dung và cộng sự, Kiến thức, thái độ, thực hành chăm sóc sức khỏe răng miệng học sinh trường Trung học cơ sở Hoài Thanh, Bình Định năm 2019. Tạp chí Nghiên cứu Y học, 160 (12V2), 2022, 291 - 299.
- [10] Vũ Thị Sao Chi, Nguyễn Thị Trang Nhung, Thẩm Chí Dũng, Kiến thức, thái độ và thực hành vệ sinh răng miệng và các yếu tố liên quan ở học sinh Trung học cơ sở tại Thành phố Hải Dương 2015. Tạp chí Y học dự phòng, 2016, 6(179): 9.
- [11] Nguyễn Thị Hồng Minh, Trần Cao Bình, Lê Thị Thu Hà, Thực trạng bệnh sâu răng, viêm lợi ở học sinh tiểu học tỉnh Nam Định năm 2020. Tạp chí Y học Việt Nam, Tập 513, 2021, tháng 4, Số 2: 29 - 31.

